

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGÔ THỊ THANH TUYỀN

**XÂY DỰNG PHÁP LUẬT VỀ PHƯƠNG THỨC
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI
BẰNG HÒA GIẢI Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số : 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2014

Công trình được hoàn thành tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. Phan Thị Thanh Thủy

Phản biện 1:

Phản biện 2:,

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại
Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: giờ ... ngày ... tháng... năm....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục từ viết tắt

Danh mục các bảng biểu

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI BẰNG HÒA GIẢI.....	5
1.1. Tổng quan về tranh chấp thương mại	5
1.1.1. Khái niệm tranh chấp thương mại	5
1.1.2. Đặc điểm.....	10
1.1.3. Khái niệm giải quyết tranh chấp thương mại	12
1.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại	13
1.2.1. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng.....	14
1.2.2. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	16
1.2.3. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	16
1.2.4. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng tòa án.....	18
1.3. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	21
1.3.1. Khái niệm và đặc điểm	21
1.3.2. Nguyên tắc hòa giải	25
1.3.3. Ưu và nhược điểm	26
1.3.4. Các phương thức hòa giải	28
1.3.5. Quy trình hòa giải	30
1.3.6. Hình thức pháp lý và hiệu lực của thỏa thuận hòa giải thành	32
1.3.7. Ý nghĩa của hòa giải trong giải quyết tranh chấp thương mại	34
1.4. Luật pháp quốc tế và khu vực về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	35
1.5. Tình hình giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở một số quốc gia	37
1.5.1. Hòa giải thương mại ở Singapore.....	37
1.5.2 Hòa giải thương mại ở Cộng hòa Pháp.....	40
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI	43
2.1. Pháp luật áp dụng đối với giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải	43
2.1.1. Các cam kết quốc tế của Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải	43
2.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	52

2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam	63
2.2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam.....	63
2.2.2. Thực trạng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải	67
2.3. Một số vấn đề pháp lý phát sinh trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	71
2.4. Nguyên nhân những hạn chế cơ bản của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	77
CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI.....	81
3.1. Sự cần thiết xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	81
3.2. Định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	82
3.3. Các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.....	85
3.3.1. Bổ sung chế định về hòa giải thương mại vào hệ thống pháp luật thương mại Việt Nam...	86
3.3.2. Xúc tiến thành lập các trung tâm hòa giải độc lập và đi vào thực hiện.....	92
3.3.3. Các giải pháp hỗ trợ.....	93
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong xu thế toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại ngày nay, giao lưu hợp tác giữa các quốc gia ngày một phát triển mạnh mẽ, vì thế đã tạo điều kiện cho hàng hóa, dịch vụ được giao thông một cách dễ dàng và nhanh chóng. Với xu thế đó, các hoạt động thương mại ngày càng phát triển mạnh mẽ, kèm theo đó các tranh chấp thương mại cũng ngày một gia tăng. Để có thể giải quyết tranh chấp thì hầu hết các bên tranh chấp thông thường thỏa thuận sẽ tiến hành hòa giải, thương lượng, nếu không có kết quả thì sau đó mới lựa chọn hình thức giải quyết bằng con đường Tòa án và trọng tài. Bởi lẽ, bản chất của các hoạt động kinh doanh, thương mại được thiết lập trên cơ sở tự nguyện và quyền tự định đoạt của các bên, do đó việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hoạt động thương mại bằng phương thức hòa giải là tất yếu.

Hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng và có vai trò phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ giữa các bên, nâng cao kết quả giải quyết các tranh chấp thương mại. Bên cạnh đó, việc lựa chọn giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải sẽ hạn chế những tổn kém về tiền bạc, thời gian của Nhà nước, công sức của đội ngũ cán bộ cũng như của công dân. Như vậy, phương thức hòa giải là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại hiệu quả nhưng chưa được pháp luật Việt Nam quy định rõ ràng và cụ thể. Do đó, việc nghiên cứu phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải sẽ có một ý nghĩa to lớn cho hoạt động giải quyết tranh chấp giữa các bên, giảm thiểu tối đa việc các bên đưa ra giải quyết tại Trọng tài hay Tòa án. Ngoài ra, trong bối cảnh Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới - WTO, việc xây dựng thể chế pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp thương mại là một điều hết sức cần thiết nhằm thực hiện và thể chế hóa cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ WTO về dịch vụ hòa giải, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển đa dạng cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án linh hoạt, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như thực tiễn ở Việt Nam.

Chính vì những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài: ***“Xây dựng pháp luật về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam”*** để làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Giải quyết tranh chấp thương mại là một vấn đề cấp thiết, hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng, bằng trọng tài, bằng tòa án như khóa luận tốt nghiệp năm 2009 *“Giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng”* của tác giả Ngô Thế Lập - khoa Luật trường Đại học quốc gia Hà Nội; khóa luận tốt nghiệp năm 2010 *“Hòa giải trong tố tụng dân sự - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* của tác giả La Phương Na - trường Đại học Luật Hà Nội; luận văn năm 2009 *“Hòa giải vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án”* của tác giả Huỳnh Tất Ngọc Trân - trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; luận án năm 2009 *“Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”* của tác giả Trần Minh Ngọc - trường Đại học Luật Hà Nội... Các công trình trên đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại.

3. Mục đích nghiên cứu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu một cách có hệ thống nội dung của phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải để từ đó có cơ sở xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, tìm hiểu và phân tích khái niệm, đặc điểm của tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại. Từ đó làm rõ các vấn đề lý luận và nội dung của phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Thứ hai, tìm hiểu các quy định pháp luật của Việt Nam cũng như thực trạng của pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Cuối cùng, kiến nghị một vài giải pháp để xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung vào nghiên cứu nội dung về lý luận và thực tiễn pháp luật Việt Nam giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Đối với phương thức hòa giải để giải quyết tranh chấp thì có hòa giải tư pháp tức là hòa giải gắn liền với hoạt động của Tòa án, Trọng tài (hay còn gọi là hòa giải trong tố tụng), hòa giải hành chính gắn với hoạt động của các cơ quan hành chính và hòa giải cơ sở mang tính xã hội đối với những tranh chấp nhỏ. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài thì tác giả chỉ tập trung nghiên cứu về hòa giải ngoài tố tụng gắn với các tranh chấp trong hoạt động thương mại (hòa giải thương mại).

5. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

5.1. Nội dung nghiên cứu

Thứ nhất, nghiên cứu những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Thứ hai, nghiên cứu quy định pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải và thực trạng.

Thứ ba, đề ra giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên phương pháp duy vật biện chứng của triết học Marx - Lenin và trên quan điểm, định hướng của Đảng cũng như của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế Việt Nam khi hội nhập kinh tế thế giới.

Đề tài cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu luật học truyền thống, như phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, đối chiếu, so sánh các quy phạm pháp luật, các vụ việc trong thực tiễn giải quyết tranh chấp.

6. Tính mới và những đóng góp của đề tài

Hiện nay chưa có đề tài nào nghiên cứu một cách toàn diện về cả lý luận và thực tiễn về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải. Do đó, việc nghiên cứu đề tài "*Xây dựng pháp luật về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam*" về cơ bản là mới. Đề tài sẽ hệ thống hóa, làm sáng tỏ thêm về mặt lý luận khái niệm, đặc điểm và nội dung của phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải, qua đó góp phần làm luận cứ khoa học cho quá trình hoạch định hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam.

7. Kết cấu

Ngoài mục lục, danh mục từ viết tắt, lời mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, khóa luận này gồm ba chương sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam về hòa giải trong giải quyết tranh chấp thương mại.

Chương 3: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hòa giải trong giải quyết tranh chấp thương mại.

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI BẰNG HÒA GIẢI.

1.1. Tổng quan về tranh chấp thương mại

1.1.1 Khái niệm tranh chấp thương mại

Tranh chấp thương mại là thuật ngữ được sử dụng rộng rãi và phổ biến ở Việt Nam những năm gần đây thay thế cho khái niệm “tranh chấp kinh tế” trong nền kinh tế kế hoạch hóa trước đây.

Ở Việt Nam, khái niệm tranh chấp thương mại trong từng giai đoạn khác nhau cũng có nhiều cách hiểu khác nhau. Lần đầu tiên khái niệm tranh chấp thương mại được ghi nhận trong Luật thương mại năm 1997 (LTM 1997) tại Điều 238.

Sau khi Việt Nam kí kết hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ ngày 13/7/2000 và được Quốc hội phê chuẩn ngày 28/11/2001, quan niệm về thương mại và tranh chấp thương mại của chúng ta đã được mở rộng, tạo cơ sở cho việc thích ứng pháp luật thương mại Việt Nam với pháp luật thương mại quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới, theo đó khái niệm thương mại được hiểu bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ và đầu tư. Đồng thời tại Điều 9.4 chương I của Hiệp định đã định nghĩa tranh chấp thương mại là “tranh chấp phát sinh giữa các bên trong giao dịch thương mại”. Các quan niệm về thương mại ở Hiệp định Việt Nam - Hoa Kỳ tiếp tục được thể hiện trong Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 (BLTTDS 2004) và Luật thương mại năm 2005 (LTM 2005).

Khái niệm tranh chấp thương mại vẫn chưa được đưa ra một cách thống nhất, đặc biệt là chưa có văn bản pháp lý nào quy định mà nó mới chỉ dừng lại ở vấn đề quan điểm của một số tác giả trên cơ sở tiếp cận nó thông qua luật nội dung và luật tố tụng, theo đó tranh chấp thương mại được hiểu là những mâu thuẫn về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hoạt động thương mại.

Từ những văn bản pháp lý trên và các nội dung được xem xét, Giáo trình Luật Thương mại, tập 2 của trường Đại học Luật Hà Nội có đưa ra quan điểm về tranh chấp thương mại, theo đó “tranh chấp thương mại là những mâu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện các hoạt động thương mại” [36, tr. 432].

Như vậy theo quan điểm của các nhà làm luật Việt Nam được phản ánh trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thì “tranh chấp thương mại” hay “tranh chấp kinh doanh thương mại” có chút khác biệt về thuật ngữ nhưng đều có cùng một nội dung thống nhất là để chỉ “*những mâu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện các hoạt động thương mại/kinh doanh*”

1.1.2. Đặc điểm

Thứ nhất, về chủ thể: chủ thể trong tranh chấp thương mại chủ yếu là các thương nhân. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, một bên chủ thể của tranh chấp thương mại còn có thể là các cá nhân, tổ chức không phải là thương nhân.

Thứ hai, về nội dung phát sinh tranh chấp: tranh chấp thương mại phát sinh từ những mâu thuẫn về thực hiện quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong mối quan hệ kinh doanh và luôn gắn liền với hoạt động kinh doanh.

Thứ ba, việc giải quyết tranh chấp thương mại là do các bên trong tranh chấp tự định đoạt. Điều này thể hiện ở việc các bên trong tranh chấp có quyền lựa chọn giải pháp giải quyết tranh chấp phù hợp trong các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được pháp luật quy định như hòa giải, thương lượng, trọng tài, tòa án.

1.1.3. Khái niệm giải quyết tranh chấp thương mại

Giải quyết tranh chấp thương mại là cách thức hay các phương pháp để điều chỉnh, khắc phục và loại trừ các bất đồng, xung đột phát sinh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh doanh, bảo vệ trật tự, kỷ cương xã hội.

1.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại

1.2.1. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng.

1.2.1.1. Khái niệm.

Thương lượng là biện pháp thường được các bên áp dụng đầu tiên khi phát sinh tranh chấp thương mại. Đây là phương thức giải quyết tranh chấp thông qua việc các bên tranh chấp cùng nhau bàn bạc, tự dàn xếp, tháo gỡ những bất đồng phát sinh để loại bỏ tranh chấp mà không cần có sự trợ giúp hay phán quyết của bất kì bên thứ ba nào.

1.2.1.2. Đặc điểm

Thứ nhất, đây là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại chỉ có các bên tranh chấp tham gia mà không cần đến vai trò của người thứ ba, trong quá trình thương lượng các bên cùng nhau trình bày quan điểm, chính kiến, tìm các biện pháp thích hợp và đi đến thống nhất thỏa thuận để tự giải quyết các bất đồng, mâu thuẫn phát sinh.

Thứ hai, giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng thực chất là một phương pháp tự giải quyết tranh chấp của các bên và hoàn toàn xuất phát từ sự tự nguyện của các bên tranh chấp; không chịu sự ràng buộc của bất kì thủ tục pháp lý nào.

Thứ ba, việc thương lượng giải quyết tranh chấp thương mại giữa các bên phải phù hợp với các quy định của pháp luật, đồng thời phải phù hợp với truyền thống đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.

1.2.1.3. Ưu và nhược điểm

* Ưu điểm: Quá trình giải quyết tranh chấp bằng thương lượng diễn ra nhanh chóng, gọn nhẹ, tiết kiệm được thời gian và tiền bạc, đảm bảo được bí mật và giữ được bí mật cho các bên tranh chấp.

* Nhược điểm: quá trình thương lượng thành công hay thất bại phụ thuộc vào thiện chí của các bên. Một trong các bên thiếu thiện chí sẽ tìm mọi cách trì hoãn kéo dài vụ tranh chấp thì quá trình giải quyết thường kéo dài, thậm chí bế tắc. Khi đạt được thỏa thuận để giải quyết vụ tranh chấp nhưng một bên không tự nguyện thi hành thì kết quả thương lượng cũng chỉ tồn tại trên giấy. Việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng do các bên tự quyết định, không công khai nên có thể sẽ nảy sinh những tiêu cực và có thể trái pháp luật.

1.2.2. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

Sẽ phân tích cụ thể tại phần 1.3.

1.2.3. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài

1.2.3.1. Khái niệm

Đây là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thỏa thuận lựa chọn được tiến hành thông qua hoạt động của Hội đồng trọng tài hoặc trọng tài viên với tư cách là bên thứ ba độc lập theo trình tự tố tụng do pháp luật quy định nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa các bên tranh chấp.

1.2.3.2. Đặc điểm

Một là, giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài chỉ phát sinh trên cơ sở có thỏa thuận giữa các bên tranh chấp.

Hai là, đây là phương thức đảm bảo quyền tự định đoạt của các bên đương sự rất cao.

Ba là, giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp không mang ý chí quyền lực nhà nước, nghĩa là không nhân danh quyền lực nhà nước để ra phán quyết như của toà án mà là nhân danh ý chí của các bên tranh chấp.

1.2.3.3. Ưu và nhược điểm

- Ưu điểm;

* Về thời gian và chi phí: nhanh chóng, các bên được đảm bảo tối đa quyền tự định đoạt của mình, có thể chủ động về thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp.

* Về bảo mật thông tin: trọng tài xét xử không công khai tức là các phiên họp giải quyết tranh chấp của trọng tài không được tổ chức công khai và chỉ có các bên tranh chấp, hoặc có thể có bên liên quan tham gia.

* Về hiệu quả: trọng tài cho phép các bên chủ động lựa chọn những trọng tài viên là các chuyên gia có kiến thức và giàu kinh nghiệm am hiểu sâu sắc vấn đề đang tranh chấp.

- Nhược điểm: khi các bên không thoả thuận sử dụng trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp trong hợp đồng thì khi xảy ra tranh chấp, trọng tài không có thẩm quyền giải quyết. Ngoài ra, các trọng tài viên có thể gặp khó khăn trong quá trình điều tra, xác minh và thu thập chứng cứ và triệu tập nhân chứng.

1.2.4. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng tòa án

1.2.4.1. Khái niệm

Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp tại cơ quan xét xử nhân danh quyền lực nhà nước, được tiến hành theo trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ và bản án hay quyết định của tòa án về vụ tranh chấp, nếu không có sự tự nguyện tuân thủ sẽ được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.

1.2.4.2. Đặc điểm

Thứ nhất, đây là phương thức giải quyết tranh chấp mang ý chí quyền lực nhà nước.

Thứ hai, việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng tòa án phải tuân thủ nghiêm ngặt về trình tự, thủ tục tố tụng chặt chẽ do pháp luật quy định.

Thứ ba, việc giải quyết tranh chấp tại tòa án có thể thực hiện qua hai cấp xét xử: sơ thẩm và phúc thẩm, phán quyết của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị hoặc xem xét lại theo thủ tục: giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

1.2.4.3. Ưu và nhược điểm

* Ưu điểm: Tòa án là cơ quan xét xử của Nhà nước nên phán quyết của tòa án có tính khả thi hơn so với các phương thức khác.

* Nhược điểm:

- Trong thủ tục Tòa án, quyền tự quyết của các đương sự ở mức thấp nhất so với các phương thức khác, pháp luật can thiệp trong toàn bộ quá trình giải quyết tranh chấp.

- Thủ tục tố tụng của Tòa án gồm nhiều cấp xét xử khác nhau từ sơ thẩm, phúc thẩm đến giám đốc thẩm hay tái thẩm nên thường kéo dài thời gian của các bên tranh chấp.

- Nguyên tắc xét xử công khai của tòa án không đảm bảo giữ bí mật kinh doanh của các bên tranh chấp.

1.3. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

1.3.1. Khái niệm và đặc điểm

* *Khái niệm hòa giải*

Hòa giải là một biện pháp giải quyết tranh chấp thương mại hiệu quả, tuy nhiên hiện nay quan niệm về hòa giải còn nhiều vấn đề chưa thống nhất và có nhiều ý kiến khác nhau như:

Theo định nghĩa của Từ điển tiếng Việt thì “Hòa giải là thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ôn hòa”

Theo từ điển luật học của Black’s Law, hòa giải là sự can thiệp, sự làm trung gian hòa giải, hành vi của người thứ ba làm trung gian giữa hai bên tranh chấp nhằm thuyết phục họ dàn xếp hoặc giải quyết tranh chấp giữa họ, việc giải quyết tranh chấp thông qua người trung gian hòa giải (bên trung lập).

Theo định nghĩa của Luật mẫu của Ủy ban Pháp luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) về hòa giải thương mại, hòa giải *“là một quá trình trong đó các bên yêu cầu một hay nhiều bên thứ ba (hòa giải viên) tham gia nỗ lực hỗ trợ các bên nhằm giải quyết êm thấm tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan một mối quan hệ trên cơ sở hợp đồng hoặc một mối quan hệ pháp luật khác. Hòa giải viên không có quyền áp đặt các bên phải thực hiện một giải pháp giải quyết tranh chấp”*.

Theo định nghĩa của giáo trình luật thương mại thì hòa giải là “phương thức giải quyết tranh chấp với sự tham gia của bên thứ ba làm trung gian hòa giải để hỗ trợ, thuyết phục các bên tranh chấp tìm kiếm các giải pháp nhằm loại trừ tranh chấp đã phát sinh”.

Hay theo giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết thương mại, hòa giải *“là hình thức giải quyết tranh chấp thương mại có sự tham gia của bên thứ ba với vai trò làm trung gian để giúp các bên có được tiếng nói chung trong việc giải quyết các bất đồng”*.

Một số quan điểm khác cho rằng hòa giải còn được hiểu ở góc độ rộng hơn là một quá trình, trong đó bên thứ ba giúp hai bên tranh chấp ngồi lại với nhau để cùng giải quyết vấn đề của họ. Hòa giải cũng được coi là sự tiếp nối của quá trình thương lượng trong đó các bên cố gắng điều hòa những ý kiến bất đồng thông qua sự hỗ trợ của bên thứ ba độc lập.

Như vậy, qua các khái niệm ở trên có thể hiểu *“Hòa giải là một hình thức giải quyết tranh chấp có sự tham gia của bên thứ ba độc lập do hai bên cùng chấp nhận hay chỉ định giữ vai trò trung gian để hỗ trợ cho các bên tìm giải pháp thích hợp giúp chấm dứt những mâu thuẫn, xung đột đang tồn tại giữa các bên”*.

** Đặc điểm của hòa giải*

Thứ nhất, việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải có sự hiện diện của bên thứ ba đóng vai trò là hòa giải viên để trợ giúp các bên tìm kiếm giải pháp tối ưu nhằm loại trừ tranh chấp.

Thứ hai là giống như thương lượng, hòa giải là giải pháp tự nguyện, tùy thuộc vào sự tự nguyện và thiện ý của các bên tham gia tranh chấp.

Thứ ba, kết quả giải quyết tranh chấp bằng hòa giải phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: ý chí tự nguyện và thiện chí của các bên tranh chấp, kỹ năng của hòa giải viên.

1.3.2. Nguyên tắc hòa giải

Một là, hòa giải phải xuất phát từ sự tự nguyện của các bên tranh chấp: đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hòa giải.

Hai là, nội dung thỏa thuận của giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải không được trái pháp luật, tập quán thương mại quốc tế, phù hợp đạo đức xã hội.

Ba là, trong quá trình hòa giải, phải đảm bảo bí mật, bí quyết kinh doanh của các bên đồng thời phương án hòa giải của các bên không được ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của người khác.

Cuối cùng, hòa giải viên phải độc lập và khách quan trong quá trình giải quyết tranh chấp.

1.3.3. Ưu và nhược điểm

** Ưu điểm của giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải*

Trước tiên, hòa giải được tiến hành dựa trên cơ sở ý chí tự nguyện của các bên tranh chấp, do đó sẽ có khả năng giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng.

Thứ hai, người thứ ba là những hoà giải viên do các bên lựa chọn nên thường là những người có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại. Vì vậy, họ dễ dàng nắm bắt được nguyện vọng của các bên tranh chấp, từ đó biết cách làm cho ý chí của các bên dễ gặp nhau trong quá trình đàm phán để giải quyết tranh chấp một cách thuyết phục và có tính khả thi, cơ hội thành công cao.

Thứ ba, giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải đảm bảo sự kín đáo và tính bảo mật.

Thứ tư, giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải tạo điều kiện cho các bên chủ động về trình tự, thủ tục mềm dẻo linh hoạt và nhanh hơn so với tòa án.

Cuối cùng, giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải tạo lập quy chuẩn cho các bên.

** Nhược điểm của giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải*

Sự thành công của quá trình giải quyết tranh chấp chủ yếu phụ thuộc vào thái độ thiện chí, hợp tác và ý chí của các bên tranh chấp. Nếu một bên thiếu nhiệt tình, không có thiện chí thì việc vận dụng phương pháp này sẽ tốn thời gian vô ích.

Không có sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với thủ tục hòa giải nên các bên có thể thỏa thuận trái pháp luật và đôi khi còn gây thiệt hại cho Nhà nước và công dân.

Như vậy, ưu điểm và khuyết điểm của phương thức hòa giải giống như phương thức thương lượng. Với những ưu thế của mình thì hòa giải đặc biệt hiệu quả khi giải quyết trong những tranh chấp thương mại mang tính đòi hỏi kiến thức chuyên môn cao như xây dựng, tài chính và đây cũng là hình thức giải quyết tranh chấp rất có hiệu quả, được giới kinh doanh ưa chuộng, giữ vai trò quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp thương mại ở các quốc gia khác.

1.3.4. Các phương thức hòa giải

Theo thông lệ chung thì hòa giải được tiến hành cả ngoài tố tụng và trong tố tụng của tòa án hoặc trọng tài:

Hòa giải trong thủ tục tố tụng: là việc hòa giải được tiến hành tại Tòa án, trọng tài khi các cơ quan này tiến hành giải quyết tranh chấp theo đơn kiện của một bên (hòa giải dưới sự trợ giúp của Tòa án hay trọng tài).

Hòa giải ngoài thủ tục tố tụng (out-court mediation) là hình thức hoà giải qua bên thứ ba, được các bên tiến hành trước khi đưa vụ tranh chấp ra cơ quan tài phán như tòa án hoặc trọng tài.

Nếu so sánh với phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài, thì hòa giải ngoài tố tụng cũng có hai phương thức cơ bản là hòa giải vụ việc và hòa giải quy chế, theo đó:

Hòa giải vụ việc là phương thức hòa giải mà trong đó việc tổ chức và giám sát do các bên tự quy định không có sự trợ giúp của bất kỳ tổ chức hoặc người hòa giải thứ ba nào. Các bên có thể tự thỏa thuận để xây dựng trình tự thủ tục hòa giải hoặc thống nhất thỏa thuận lựa chọn Quy tắc hòa giải của bất kỳ trung tâm hòa giải nào.

Hòa giải quy chế do một tổ chức, hoặc trung tâm hòa giải chuyên nghiệp, giám sát tố tụng trọng tài tiến hành, phải tuân theo quy tắc hòa giải riêng của tổ chức hòa giải đó.

Ngoài ra, qua thực tiễn tổ chức, hoạt động hòa giải ở một số nước, căn cứ vào tổ chức đứng ra thực hiện việc hòa giải, hòa giải được chia thành hai hình thức là hòa giải công (public mediation) và hòa giải tư (private mediation).

1.3.5. Quy trình hòa giải

Quy trình hòa giải được tiến hành theo trình tự sau:

Bước 1: Lựa chọn người hoà giải:

Bước 2: Hòa giải viên tìm hiểu mâu thuẫn.

Bước 3: Giải quyết mâu thuẫn

1.3.6. Hình thức pháp lý và hiệu lực của thỏa thuận hòa giải thành

Sau phiên hòa giải, các bên tranh chấp thống nhất thỏa thuận được với nhau thì hình thức ghi nhận kết quả việc đó như thế nào. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa quy định cụ thể về việc này. Thực tiễn các bên tranh chấp tiến hành hòa giải và đi đến thỏa thuận giải quyết với nhau trên cơ sở một biên bản hòa giải thành. Ở đây cần xem xét hình thức pháp lý của biên bản hòa giải thành là gì? Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải được thực hiện theo cơ chế giải quyết nội bộ, xuất phát từ sự tự nguyện của các bên tranh chấp; các bên tự do thỏa thuận, tự định đoạt nên khi thống nhất được việc giải quyết tranh chấp và đi đến ký kết biên bản ghi nhận sự thống nhất này, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Như thế, các bên thỏa thuận giải quyết tranh chấp thương mại trên cơ sở xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền lợi các bên khi thấy có vi phạm. Các bên được tự do thỏa thuận và định đoạt, khi thỏa thuận đạt được là lúc ý chí các bên gặp nhau, thống nhất với nhau. Dù ở hệ thống pháp luật nào, người ta đều thừa nhận nền tảng của luật hợp đồng là tự do ý chí, có nghĩa tự do ý chí là vấn đề trọng yếu của hợp đồng. Qua phân tích trên ta thấy biên bản hòa giải thành trong phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải có đầy đủ đặc trưng của hợp đồng nên có thể coi đây là một hợp đồng. Theo bà Joelle Duchet Nespoux - Luật sư Đoàn Luật sư Paris thì tại Pháp, thỏa thuận hòa giải có dạng như hợp đồng thể hiện quan điểm thống nhất hiệu lực giữa các bên. Hiệu lực thi hành thỏa thuận hòa giải được thực thi theo thỏa thuận giữa các bên (có thể hoặc không có sự công nhận của tòa án) và được pháp luật công nhận và cưỡng chế thi hành.

1.3.7. Ý nghĩa của hòa giải trong giải quyết tranh chấp thương mại

** Ý nghĩa kinh tế - xã hội*

** Ý nghĩa pháp lý*

1.4. Luật pháp quốc tế và khu vực về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

Ở bình diện quốc tế, hòa giải (out-court) được thừa nhận rộng rãi trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế nói chung và trong các liên kết khu vực nói riêng. Dưới đây là một số văn bản quốc tế cơ bản.

** Luật mẫu của Ủy ban liên hợp quốc về Luật thương mại quốc tế (Uncitral) về hòa giải thương mại quốc tế kèm theo hướng dẫn ban hành và sử dụng 2002 (Uncitral Model Law on International Commercial Conciliation (2002)):*

Luật này gồm 14 điều, đã quy định đầy đủ về những nguyên tắc đặc trưng của hòa giải đó là về việc công bố thông tin và bảo mật. Ngoài ra, theo Luật mẫu quy định nếu các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành để giải quyết tranh chấp thì thỏa thuận hòa giải thành đó có hiệu lực bắt buộc đối với các bên và có thể đưa ra thi hành. Trong quá trình nghiên cứu để nội luật hóa, mỗi quốc gia cần chỉ ra phương thức cụ thể để thi hành thỏa thuận hòa giải thành (thủ tục thi hành bắt buộc) hoặc dẫn chiếu các quy định liên quan đến việc thi hành thỏa thuận đó, ví dụ: thông qua quyết định công nhận của tòa án đối với việc hòa giải thành để thi hành án. Như vậy, Luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế ra đời đã góp phần to lớn trong việc điều chỉnh và giải quyết tranh chấp thương mại giữa các quốc gia.

Ngoài ra, giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải còn được quy định trong các văn bản quốc tế và khu vực sau:

- Hiệp định giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO (Dispute Settlement Understanding - DSU)

- Công ước về công nhận và thi hành các phán quyết của trọng tài nước ngoài năm 1958 (Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards (New York – 1958)).

- Nghị định thư về cơ chế giải quyết tranh chấp Asian ngày 20/11/1996 nhằm tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực hợp tác kinh tế ASEAN.

- Hiệp định về cơ chế giải quyết tranh chấp thuộc hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa chính phủ các nước thành viên hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Đại Hàn Dân Quốc.

- Hiệp định về quan hệ đối tác kinh tế toàn diện giữa các quốc gia thành viên hiệp hội các nước Đông Nam Á và Nhật Bản.

- Hiệp định giữa Nhật Bản và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Hiệp định thương mại giữa chính phủ cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ Cộng hòa Singapore.

Nội dung cơ bản của các văn bản trên sẽ được trình bày tại phần 2.1.1 Chương 2 của Luận văn.

1.5. Tình hình giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở một số quốc gia

1.5.1. Hòa giải thương mại ở Singapore

Singapore là tâm điểm ở châu Á trong nhiều hoạt động giao dịch quốc tế như thương mại, đầu tư, tài chính và nhiều dịch vụ khác. Giống như một số nước theo hệ thống luật án lệ, Singapore không ban hành luật về hòa giải mà chỉ thành lập các tổ chức về hòa giải nhằm thúc đẩy và phát triển dịch vụ hòa giải. Tiêu biểu như với việc thành lập Trung tâm hòa giải Singapore (Singapore Mediation Centre - SMC) vào năm 1997 trực thuộc Học viện pháp luật Singapore đã góp phần khuyến khích việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải gia tăng. Các tranh chấp được đưa ra hòa giải tại đây rất đa dạng từ các tranh chấp trong lĩnh vực ngân hàng, xây dựng, hợp đồng, công ty, bảo hiểm, hàng hải cho tới các loại tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, lao động, công nghệ thông tin, bồi thường thiệt hại.... SMC đã tiến hành các hoạt động hòa giải rất hiệu quả theo thủ tục hòa giải của SMC với 14 điều, kèm theo là 4 phụ lục (phụ lục A: nộp đơn, phụ lục B: mẫu thỏa thuận hòa giải, phụ lục C: tập hợp chuẩn mực đạo đức, phụ lục D: phí hòa giải).

Bên cạnh dịch vụ hòa giải thương mại, SMC còn cung cấp dịch vụ hòa giải kết hợp với trọng tài (Med- Arb) và dịch vụ kết hợp hòa giải của SMC với thủ tục trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore (Singapore International Arbitration Centre - SIAC) (SMC- SIAC Med- Arb).

1.5.2 Hòa giải thương mại ở Cộng hòa Pháp

Theo định nghĩa của Bộ quy tắc quốc gia đạo đức nghề nghiệp hòa giải viên tháng 2/2009 của Cộng hòa Pháp thì hòa giải, bất kể là hòa giải tư pháp (médiation judiciaire) hay hòa giải theo thỏa thuận (mesdiation conventionnelle) có thể gọi là hòa giải ngoài tố tụng, đều là quá trình có tổ chức dựa trên trách nhiệm và tính độc lập của những người tham gia, với sự hỗ trợ của một bên thứ ba trung lập, khách quan, độc lập và không có thẩm quyền phán quyết hay tư vấn, nhằm tạo điều kiện thiết lập hoặc khôi phục lại các mối quan hệ, phòng ngừa và giải quyết tranh chấp thông qua các buổi trò chuyện riêng giữa các đương sự và bên thứ ba. Đối với hòa giải theo thỏa thuận thì pháp luật của Pháp không có quy định riêng mà được dựa trên cơ sở pháp lý là những quy định về hợp đồng dân sự của Bộ luật dân sự Pháp. Khi các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận hòa giải thì nguyên tắc tự do thỏa thuận và điều kiện giao kết của Hợp đồng dân sự được áp dụng theo

quy định từ điều 1108 đến điều 1133 của Bộ luật dân sự Pháp. Theo đó thỏa thuận hòa giải là văn bản có dạng như hợp đồng thể hiện quan điểm thống nhất giữa các bên, không phụ thuộc vào giá trị pháp lý của hợp đồng chính.

Khi các bên đã thỏa thuận được thì theo quy định tại điều 1441-4 và 131-12 Bộ luật tố tụng dân sự Pháp thì biên bản thỏa thuận là một dạng hợp đồng có hiệu lực pháp lực giữa các bên, được thi hành theo thỏa thuận giữa các bên, có thể có hoặc không có sự công nhận của Tòa án. Tuy nhiên, việc thi hành sẽ dễ dàng khi có được sự công nhận của Tòa án.

Trung tâm hòa giải Yvelines mediation: là tổ chức phi lợi nhuận được thành lập năm 1991. Trung tâm hòa giải Yvelines mediation là hình mẫu thành lập liên đoàn quốc gia các trung tâm hòa giải, với 47 hòa giải viên là những người được tuyển chọn đào tạo kỹ càng, tổ chức gồm ban kiểm toán và Hội đồng quản trị với 10 ban gồm 5 ban liên ngành như truyền thông, đạo đức & đạo đức nghề nghiệp, tài chính, đào tạo, nghiên cứu và 5 ban chuyên đề như hòa giải thương mại, hòa giải hành chính, hòa giải cơ sở, hôn nhân gia đình và quan hệ lao động. Trung tâm cung cấp dịch vụ hòa giải trong các lĩnh vực như: thương mại, hôn nhân gia đình, lao động: tranh chấp giữa cá nhân (hợp đồng lao động, quyết định sa thải, quấy rối, làm thêm giờ...) hoặc xung đột tập thể (đình công, đàm phán thỏa ước lao động tập thể..), quan hệ láng giềng, nhà ở, bất động sản, tiêu dùng.

Tóm lại, trên đây là những kiến thức cơ bản nhất về các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại và những ưu điểm, hạn chế của từng hình thức. Không có phương thức nào là tuyệt đối và việc quyết định lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp nào bên cạnh việc xem xét những ưu, nhược điểm của từng hình thức mà còn xem xét từng trường hợp tranh chấp để tìm ra phương pháp hiệu quả nhất những phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, thương lượng, hòa giải và trọng tài thương mại là các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại không mang ý chí quyền lực nhà nước, mà chủ yếu được giải quyết dựa trên nền tảng ý trí tự định đoạt của các bên tranh chấp hoặc phán quyết của bên thứ ba độc lập theo thủ tục linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp. Còn Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại mang ý chí quyền lực nhà nước, do Tòa án tiến hành theo thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI.

2.1. Pháp luật áp dụng đối với giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

2.1.1. Các cam kết quốc tế của Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

* Trong phạm vi quốc tế

- Hiệp định giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO (Dispute Settlement Understanding - DSU) được ghi nhận tại phụ lục 2 của Hiệp định Marrakesh tại Vòng đàm phán Uruguay. DSU là sự kế thừa các quy định về giải quyết tranh chấp đã từng phát huy tác dụng tích cực gần 50 năm qua trong lịch sử GATT 1947 và đã thiết lập một trình tự thủ tục thống nhất, mang tính bắt buộc cho việc giải quyết tranh chấp phát sinh đối với tất cả thành viên khi tham gia vào WTO. Theo DSU thì các tranh chấp trong khuôn khổ của WTO có thể được giải quyết thông qua hình thức tham vấn, trung gian, hòa giải, trọng tài hoặc trước Ban hội thẩm và Cơ quan phúc thẩm. Riêng đối với thủ tục hòa giải thì được DSU quy định tại khoản 10 Điều 3, khoản 7 Điều 12, và được quy định riêng thành một điều tại Điều 5 của Hiệp định.

Thủ tục hòa giải mang tính chất không chính thức, nó được tiến hành một cách tự nguyện nếu các bên tranh chấp đều đồng ý. Những giai đoạn trong thủ tục hòa giải được thực hiện một cách kín đáo và không xâm hại đến quyền lợi của các bên tranh chấp. Thủ tục hòa giải được bắt cứ bên tranh chấp nào tiến hành tại bất kỳ thời điểm nào sau khi phát sinh tranh chấp, ngay cả khi ban Hội thẩm (*Panel Establishment*) đã được thành lập và đã tiến hành thủ tục tố tụng.

Chức năng của ban Hội thẩm được ghi nhận tại Điều 11 của DSU và với việc quy định trên làm cho cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO mang đậm tính hòa giải, bởi lẽ ban Hội thẩm không đưa phán quyết mà chỉ đưa ra một “báo cáo”, báo cáo này không có giá trị bắt buộc và sẽ được xem xét chung cuộc bởi một cơ quan mang tính chính trị là các bên ký kết.

Tóm lại, với các quy định về thủ tục hòa giải trong giải quyết tranh chấp là điểm tạo nên sự khác biệt cũng như hiệu quả hoạt động của cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO. Cơ chế này là sự hiện thực hoá xu thế pháp lý hoá quá trình giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế ngày nay, dần dần thay thế các phương thức giải quyết tranh chấp mang tính chính trị, ngoại giao trong lĩnh vực này, phù hợp với đặc điểm của hoạt động thương mại.

- Công ước về Công nhận và Thi hành các Phán quyết của Trọng tài Quốc tế (Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards - New York, 1958). Tuy Công ước không có những quy định về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải, nhưng nếu trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài các bên hòa giải và thỏa thuận được thì vẫn được trọng tài công nhận. Do đó, quyết định công nhận của Trọng tài vẫn được thi hành tại bất cứ nơi nào trên các nước thành viên của Công ước. Hiểu rõ tầm quan trọng của công ước, Việt Nam đã tham gia Công ước vào năm 1995, mà cụ thể là ngày 28/7/1995 Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam đã ra Quyết định số 453/QĐ-CTN phê chuẩn việc tham gia Công ước về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài với 3 điểm bảo lưu. Sau khi tham gia Công ước, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực về việc thi hành Công ước thông qua việc ban hành, bổ sung, sửa đổi nhiều văn bản pháp luật nhằm cụ thể hoá Công ước như các quy định về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài tại Phần thứ 6 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011. Qua đó, góp phần tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng và an tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đồng thời tạo điều kiện cho các nhà đầu tư Việt Nam khi hoạt động ở nước ngoài, được đảm bảo quyền lợi khi có yêu cầu thi hành quyết định trọng tài tại nước ngoài.

** Trong phạm vi khu vực Asean và các đối tác kinh tế khác*

- Nghị định thư về cơ chế giải quyết tranh chấp Asean ngày 20/11/1996 nhằm tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực hợp tác kinh tế ASEAN. Ngoài hình thức tham vấn được quy định tại Điều 2 thì tại Điều 3 của Nghị định thư quy định về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải, theo đó vào bất kỳ thời điểm nào, các Quốc gia Thành viên là các bên tranh chấp cũng được quyền chấp nhận các hình thức dàn xếp, hoà giải hoặc trung gian hoà giải. Các hình thức này có thể bắt đầu vào bất kỳ lúc nào và cũng có thể chấm dứt vào bất kỳ lúc nào. Một khi thủ tục dàn xếp, hoà giải hoặc trung gian hoà giải đã chấm dứt thì bên khiếu nại mới được tiến hành đưa vấn đề lên Hội nghị các quan chức kinh tế cấp cao (SEOM).

- Hiệp định về cơ chế giải quyết tranh chấp thuộc hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa chính phủ các nước thành viên hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (gồm các nước Brunei Darussalam, Vương quốc Campuchia, Cộng hoà Indonesia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Malaysia, Liên bang Myanmar, Cộng hoà Philippines, Cộng hoà Singapore, Vương quốc Thái Lan và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các nước thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á) và Đại Hàn Dân Quốc. Ngoài hình thức tham vấn để giải quyết tranh chấp quy định tại Điều 3, thì theo Điều 4 của Hiệp định quy định Trung gian hoà giải là những thủ tục được tiến hành một cách tự nguyện nếu các bên tranh chấp đồng ý. Các bên trong tranh chấp có thể yêu cầu tiến hành thủ tục trung gian hoà giải ở bất kỳ thời điểm nào. Các bên có thể bắt đầu và kết thúc trung gian hoà giải vào bất kỳ lúc nào. Nếu các bên tranh chấp đồng ý, thủ tục trung gian hoà giải thông qua cá nhân hoặc tổ chức được các bên trong vụ tranh chấp nhất trí có thể được tiến hành song song với thủ tục giải quyết tranh chấp bằng Ủy ban trọng tài theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Hiệp định. Về thủ tục hòa giải tại khoản 4 của Điều 4 Hiệp định quy định Thủ tục trung gian hoà giải và đặc biệt là quan điểm của các bên tranh chấp trong quá trình trung gian hoà giải sẽ được giữ bí mật và không ngăn cản quyền của các bên được tiến hành các thủ tục tố tụng cao hơn theo Hiệp định này hoặc các thủ tục tố tụng khác trước một cơ quan giải quyết tranh chấp do các bên lựa chọn.

- Hiệp định về quan hệ đối tác kinh tế toàn diện giữa các quốc gia thành viên hiệp hội các nước Đông Nam Á và Nhật Bản năm 2008 đã dành một chương riêng để quy định về giải quyết tranh chấp, cụ thể là chương 9. Trong đó hình thức giải quyết tranh chấp bằng hòa giải được quy định tại Điều 63 chương 9 của Hiệp định, cụ thể tại khoản 1 Điều 63 quy định trung gian hoà giải là “những thủ tục được tiến hành một cách tự nguyện nếu các bên trong tranh chấp đồng ý” và tại khoản 2 quy định “các bên trong tranh chấp có thể yêu cầu tiến hành thủ tục trung gian hoà giải ở bất kỳ thời điểm nào. Các bên trong tranh chấp có thể bắt đầu và kết thúc trung gian hoà giải vào bất kỳ lúc nào”. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 63 cũng quy định các bên có thể kết hợp giữa thủ tục hòa giải và thủ tục giải quyết tranh chấp bằng Ủy ban trọng tài theo quy định của chương 9 hiệp định.

- Hiệp định giữa Nhật Bản và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối tác kinh tế đã quy định về các phương thức cụ thể giải quyết tranh chấp cụ thể tại chương 13 gồm tham vấn; môi giới, trung gian, hòa giải và Ủy ban trọng tài, trong đó giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải được quy định tại Điều 118 cùng với hình thức môi giới, trung gian, theo đó một bên trong tranh chấp có thể yêu cầu tiến hành hòa giải ở bất kỳ thời điểm nào. Các bên tranh chấp có thể bắt đầu và kết thúc hòa giải ở bất kỳ lúc nào theo yêu cầu của bất kỳ bên nào. Nếu các Bên đồng ý, hòa giải có thể vẫn tiếp tục cùng với thủ tục giải quyết tranh chấp bằng Ủy ban trọng tài được quy định từ điều 119 đến điều 124, Chương 13 của Hiệp định.

- Hiệp định thương mại giữa chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính phủ Cộng hòa Singapore (1992) quy định hình thức giải quyết tranh chấp thương mại mà các bên tranh chấp có thể áp dụng là hòa giải hoặc trọng tài thương mại. Trong đó, thủ tục hòa giải được quy định tại Điều 9 của Hiệp định như sau “những tranh chấp phát sinh giữa các công ty thương mại hoặc các công ty liên quan đến thương mại của các bên khi thực hiện hay liên quan đến hợp đồng sẽ giải quyết bằng hoà giải qua những cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp hòa giải không được sẽ đưa ra trọng tài quốc tế giải quyết theo sự thoả thuận của hai bên như trọng tài thuộc trung tâm trọng tài quốc tế Việt nam hoặc Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore, chịu sự điều chỉnh theo những quy định của trung tâm đó”.

Nhìn chung, trong các hiệp định thương mại quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia và ký kết thì các biện pháp giải quyết tranh chấp đã được quy định khá đầy đủ. Tuy có quy định cơ chế khác nhau trong giải quyết các tranh chấp giữa các cá nhân, công ty phát sinh từ các giao dịch thương mại phù hợp với thực tiễn pháp luật từng nước nhưng hầu hết đều thừa nhận nguyên tắc tôn trọng quyền tự do thoả thuận của các bên trong việc lựa chọn biện pháp giải quyết tranh chấp. Đây là một biện pháp bảo đảm để các nhà kinh doanh trong nước và nước ngoài yên tâm thực hiện các hoạt động kinh doanh, thương mại tại Việt Nam.

Với việc tham gia và ký kết các điều ước quốc tế trên có giá trị ràng buộc Việt Nam thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đã cam kết, mà cụ thể là Nhà nước, Chính phủ hoặc ngành liên quan của Việt Nam có trách nhiệm thực hiện điều ước quốc tế đó. Theo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế số 41/2005/QH11 ngày 4/6/2005 có hiệu lực ngày 1/1/2006 tại khoản 3 Điều 6, có thể thấy pháp luật Việt Nam thừa nhận hai cách thức áp dụng điều ước quốc tế vào thực tiễn pháp luật đó là: áp dụng trực tiếp và áp dụng gián tiếp. Do đó, các điều ước quốc tế đa số được Nhà nước nội luật hóa vào các văn bản pháp luật, cụ thể như Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật cạnh tranh,... trong đó các quy định về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải cũng đã được đề cập trong Luật thương mại của nước ta.

Tóm lại, có thể khẳng định Điều ước quốc tế về giải quyết tranh chấp thương mại nói chung, giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải nói riêng mà Nhà nước Việt Nam ký kết và tham gia là một yếu tố quan trọng, có vị trí đặc biệt trong khuôn khổ pháp luật thương mại Việt Nam. Đồng thời với việc ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật nhằm nội luật hóa các điều ước quốc tế đã góp phần hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

2.1.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

2.1.2.1. Các quy định của pháp luật về hòa giải ngoài tố tụng

Hoạt động hòa giải được đề cập tại khá nhiều văn bản pháp luật, chủ yếu liên quan đến lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại. Theo pháp luật Việt Nam hiện nay quy định thì có các dạng hòa giải sau:

Hòa giải được thực hiện trước khi đưa một vụ việc ra cơ quan tài phán được áp dụng đối với một số dạng tranh chấp như tranh chấp lao động, tranh chấp đất đai, hòa giải tại Tòa án.

Ngoài ra, pháp luật của Việt Nam cũng quy định về công tác hòa giải giải quyết những vướng mắc, tranh chấp nhỏ phát sinh liên quan đến đời sống hàng ngày ở các khu dân cư bằng công tác hòa giải ở đơn vị cơ sở.

Đối với giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải (hòa giải thương mại), ngoài các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết tham gia thì nhà nước ta cũng đã ban hành một số quy định nằm rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

- Bộ luật dân sự năm 2005
- Luật thương mại năm 2005.
- Luật Đầu tư năm 2005 tại Điều 12
- Luật chuyên giao công nghệ năm 2006 tại Điều 55
- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 tại Điều 55
- Luật bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 tại khoản 1 Điều 30
- Luật giao dịch điện tử năm 2005 tại Điều 52
- Luật công nghệ thông tin năm 2006 tại Điều 75

Tóm lại, Việt Nam đã tham gia và cam kết thực hiện các điều ước quốc tế về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải và pháp luật thương mại Việt Nam đã công nhận phương thức hòa giải trong các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng trong lĩnh vực luật tư như BLDS 2005, LTM 2005.... Tuy nhiên, cho đến nay không có văn bản nào hướng dẫn thực hiện hay quy định một cách rõ ràng, cụ thể mà nằm rải rác ở các văn bản pháp luật cũng như không có một thiết chế nào thực hiện chức năng hòa giải thương mại. Nhìn chung, cùng với điều ước quốc tế, các văn bản quy phạm pháp luật trong nước đã nêu trên là cơ sở pháp lý quan trọng góp phần giải quyết các tranh chấp thương mại một cách nhanh chóng và hiệu quả, tạo ra môi trường an toàn và hấp dẫn cho các nhà kinh doanh trong và ngoài nước hoạt động kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam.

2.1.2.2. Quy tắc hòa giải của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam

Hiện tại ở Việt Nam, mới chỉ có Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) xây dựng và ban hành Quy tắc hòa giải. Quy tắc hòa giải của VIAC gồm 20 điều, có hiệu lực từ ngày 10/9/2007. Quy tắc hòa giải này áp dụng cho việc hòa giải tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại, nếu các bên quyết định tiến hành hoà giải tranh chấp thông qua VIAC. Nội dung các quy định Quy tắc hòa giải của VIAC hoàn toàn phù hợp với thông lệ của hoạt động hòa giải thương mại trên thế giới, cụ thể như:

Thứ nhất, về việc bắt đầu quá trình hòa giải được quy định cụ thể tại Điều 2 của Quy tắc hòa giải của VIAC. Nội dung của việc bắt đầu quá trình hòa giải của Quy tắc hòa giải của VIAC nhìn chung là tương đồng với Điều 4 Luật mẫu của Uncitral về Hòa giải thương mại quốc tế cũng như Điều 1 của Thủ tục hòa giải của Trung tâm hòa giải Singapore (SMC).

Thứ hai, quy định về số lượng hòa giải viên tại Điều 3 và việc chỉ định hòa giải viên tại Điều 4 của Quy tắc hòa giải của VIAC hoàn toàn phù hợp với Luật mẫu của Uncitral về Hòa giải thương mại quốc tế và đảm bảo được quyền tự định đoạt của bên tranh chấp.

Thứ ba, đối với những nguyên tắc mang tính đặc trưng của quá trình hòa giải như về công bố thông tin và bảo mật, về cơ bản nội dung công khai thông tin trong quá trình hòa giải và bảo mật của Quy tắc hòa giải của VIAC là hoàn toàn phù hợp với Luật mẫu của Uncitral về Hòa giải thương mại quốc tế cũng như Quy tắc hòa giải của SMC. Tuy nhiên, đối với vấn đề bảo mật, việc Quy tắc hòa giải của VIAC quy định phải giữ bí mật kể cả thỏa thuận hòa giải là chưa đúng với quy định của Luật mẫu của Uncitral về Hòa giải thương mại quốc tế và Quy tắc hòa giải của SMC.

Thứ tư, các căn cứ chấm dứt quá trình hòa giải của Quy tắc hòa giải của VIAC tương đồng với Luật mẫu của Uncitral về Hòa giải thương mại quốc tế và Quy tắc hòa giải của SMC.

Cuối cùng, đối với trường hợp viện tới tổ tụng trọng tài hoặc tòa án, tại khoản 1 Điều 16 Quy tắc hòa giải của VIAC định này hoàn toàn phù hợp với nội dung tại Điều 13 của Luật mẫu Uncitral.

Nhìn chung, quy trình và thủ tục hòa giải của Quy tắc hòa giải của VIAC rất đơn giản và nhanh chóng. Các quy định của Quy tắc hòa giải của VIAC về cơ bản là hoàn toàn phù hợp với hoạt động hòa giải thương mại trên thế giới.

Tóm lại, việc ban hành Quy tắc hòa giải của VIAC và quy định về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải tại các văn bản quy phạm pháp luật đã phân tích tại phần 2.1.2.1 đã thể hiện rằng hòa giải bắt đầu có xu hướng phát triển thành một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại độc lập ở Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành của nước ta không có quy định nào ràng buộc, chi phối đến cơ chế hòa giải ngoài các quy định có tính chất ghi nhận hòa giải là những phương thức giải quyết tranh chấp được các bên tranh chấp có thể lựa chọn để giải quyết tranh chấp phát sinh.

2.2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam

2.2.1. Tình hình giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam

Hiện nay, việc giải quyết các tranh chấp ở Việt Nam chủ yếu được xét xử thông qua hệ thống Tòa án. Theo báo cáo tổng kết công tác và thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, trong năm 2012, tòa án các cấp giải quyết 332.868 vụ án các loại trong tổng số 360.941 vụ án đã thụ lý (đạt 92%). Năm 2013 đã giải quyết được 364.819 vụ án các loại trong tổng số 395.415 vụ án đã thụ lý (đạt tỷ lệ 92,3%). Có thể nói, đó là một con số không nhỏ, phản ánh một thực tế về sự gia tăng của các tranh chấp trong đó có tranh chấp thương mại.

* Tình hình giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại riêng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội - thủ đô, trung tâm kinh tế, nơi hình thành nhiều nhất các đơn vị kinh tế, hoạt động sản xuất, kinh doanh sôi động nhất của Việt Nam như sau:

Năm 2012, toàn ngành Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thụ lý 23.521 vụ án các loại, đã giải quyết được 21.749 vụ, đạt tỷ lệ 92,5%. Số vụ án còn lại là 1.772 vụ. So với năm 2011 số vụ án thụ lý tăng 2.417 vụ, tăng 11,45%. Các loại án tăng chủ yếu là án hành chính tăng 208,6%, án lao động tăng 67,5%, án kinh doanh thương mại tăng 29,2%, án dân sự tăng 14,5%, án hình sự tăng 12,1%. Trong đó, về án kinh doanh thương mại: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thụ lý 853 vụ, giải quyết 601 vụ, đạt tỷ lệ 70,4%. So với năm 2011 số thụ lý tăng 193 vụ, cụ thể: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý sơ thẩm 256 vụ, giải quyết 180 vụ; thụ lý phúc thẩm 35 vụ, giải quyết 31 vụ. Tòa án cấp huyện thụ lý 562 vụ, giải quyết 390 vụ.

Năm 2013, toàn ngành Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thụ lý 25.996 vụ án (tăng 2.474 vụ = 10,5% so với năm 2012), đã giải quyết 25.139 vụ (tăng 2.377 vụ = 10,4% so với năm 2012), đạt tỷ lệ 96,7%. Các loại án tăng chủ yếu gồm: án kinh doanh thương mại tăng 66,7%; án lao động tăng 65,4%; án hành chính tăng 58,1%; án dân sự tăng 13,3%. Riêng án hình sự giảm 1,7%. Trong đó, về án kinh doanh thương mại: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý 1.424 vụ (tăng 571 vụ = 66,9% so với năm 2012), giải quyết 1.284 vụ, đạt tỷ lệ 90,1% số vụ án đã thụ lý. Tòa án đã hòa giải thành 419 vụ, chiếm tỷ lệ 32,6%. Các tranh chấp trong kinh doanh thương mại chủ yếu là tranh chấp về các hợp đồng đầu tư tài chính; mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; hợp đồng tín dụng...

(Nguồn: Trích Báo cáo kết quả công tác năm 2012 và năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội)

Qua kết quả thống kê nói trên, có thể thấy trong những năm gần đây, số lượng các vụ án tranh chấp thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án liên tục gia tăng mạnh (từ 360.941 vụ năm 2012 đến 395.415 vụ năm 2013), làm cho công việc của hệ thống Tòa án ngày càng quá tải. Bên cạnh đó, số lượng các vụ án kinh doanh thương mại do Tòa án giải quyết chưa cao, cụ thể năm 2013, ngành Tòa án đã giải quyết được 364.819 vụ án các loại, trong đó án kinh doanh thương mại là 14.767 vụ. Có thể thấy tình hình giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại của ngành Tòa án ở nước ta trở nên quá tải, dẫn đến tăng lượng vụ án tồn đọng, không kịp

giải quyết, do đó sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và chưa đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

Bên cạnh Tòa án, phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài đã được các doanh nghiệp biết đến nhiều hơn. Số lượng các vụ tranh chấp thương mại được đưa ra giải quyết bằng trọng tài cũng có chiều hướng ngày càng gia tăng. Hiện nay tuy chưa có tổng hợp chung về tình hình giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài của các Trung tâm trọng tài trên cả nước nhưng theo thống kê của Trung tâm trọng tài như Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam VIAC phản ánh phần nào xu hướng này.

Qua biểu đồ và bảng số liệu trên đã thể hiện số lượng tranh chấp thương mại ở VIAC ngày càng tăng. Từ chỗ VIAC chỉ giải quyết được 6 vụ/năm khi mới thành lập vào năm 1993, đến nay, sau 20 năm hoạt động, trung tâm này giải quyết trung bình gần 100 vụ/năm. Điều này đã thể hiện phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài đã dần trở nên phổ biến hơn như là một phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế.

Đối với công tác thi hành dân sự, thi hành án dân sự là việc tổ chức thi hành các bản án, quyết định về dân sự của Tòa án đã có hiệu lực phát luật hoặc chưa có hiệu lực nhưng được thi hành ngay trên thực tế. Như đã phân tích ở trên, hiện nay việc giải quyết tranh chấp ở Tòa án hiện nay đã quá tải, số lượng vụ tranh chấp quá nhiều. Điều này có thể dẫn đến bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ ràng, thiếu tính thuyết phục, do đó phán quyết của Tòa án vẫn chỉ ở trên giấy, gây khó khăn trong công tác tổ chức thi hành án trên thực tế. Ngoài ra, phán quyết của Tòa án mang tính bắt buộc, nên các bên tranh chấp không có sự tự do định đoạt. Do đó, các bên tranh chấp sẽ không tự nguyện thi hành, chống đối, gây cản trở công tác thi hành án. Như vậy, công tác thi hành án ảnh hưởng đến kết quả giải quyết tranh chấp, gây thiệt hại cho các bên trong khi tranh chấp thương mại đòi hỏi giải quyết nhanh chóng nếu không sẽ hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy, với tình hình giải quyết tranh chấp thương mại ngày càng gia tăng thì việc đẩy mạnh các phương thức khác ngoài tòa án trong đó có hòa giải để giải quyết tranh chấp thương mại sẽ góp phần giảm tải gánh nặng công việc cho hệ thống tòa án đồng thời tăng hiệu quả công tác giải quyết tranh chấp thương mại.

2.2.2. Thực trạng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

Dù giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải được đánh giá là phương thức có nhiều ưu điểm về thời gian giải quyết ngắn, chi phí tương đối thấp, thủ tục đơn giản và giữ được mối quan hệ làm ăn của các bên tranh chấp song thực tiễn phương thức này được các doanh nghiệp sử dụng nhưng còn ở mức khiêm tốn. Cụ thể: theo số liệu điều tra qua phiếu hỏi của của nhóm thư ký Dự án điều tra cơ bản của Viện khoa học pháp lý - Bộ tư pháp về “*Thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam và vai trò của các thiết chế tư pháp, hỗ trợ tư pháp*” đã khảo sát trong số 367 doanh nghiệp Việt Nam (tại Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang) đã gặp tranh chấp thương mại quốc tế có 100 doanh nghiệp từng giải quyết tranh chấp bằng hòa giải (tỷ lệ 26,9%), đây là một tỷ lệ không cao. Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam ít được các doanh nghiệp áp dụng, bởi những lý do sau:

Thứ nhất, pháp luật hiện hành đã có một số quy định liên quan đến giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải, tuy nhiên chỉ ghi nhận trong pháp luật thực định ở những nguyên tắc cơ bản, nên cho đến thời điểm hiện tại, ở Việt Nam hầu như không có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể, hướng dẫn chi tiết về quy trình, thủ tục, nội dung, hiệu lực của phương thức này nên

giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải dường như vẫn được coi là công việc riêng tư của các bên.

Thứ hai, trên thực tế, hòa giải thương mại đã được tiến hành một cách tự phát bởi các luật sư ở một số văn phòng luật sư, trọng tài viên ở trung tâm trọng tài theo yêu cầu của khách hàng nhưng các tổ chức này chưa coi hòa giải là một hoạt động chuyên nghiệp. Vì thế, thực tiễn hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải rất khó xác định được số lượng các vụ tranh chấp thương mại mà các bên lựa chọn phương thức hòa giải để giải quyết như đối với giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài hay tòa án.

Thứ ba, ở Việt Nam vẫn còn thiếu sự nghiên cứu một cách có hệ thống để làm rõ các vấn đề lý thuyết về hòa giải, đưa ra các mô hình hòa giải có hiệu quả.

Thứ tư, pháp luật Việt Nam lại thiếu những quy định công nhận chế định hòa giải trong giải quyết tranh chấp thương mại, không có thiết chế bắt buộc thực hiện kết quả hòa giải...

Cuối cùng, một lý do nữa của việc hòa giải thương mại hạn chế được áp dụng là do pháp luật Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có quy định về vai trò của hòa giải viên, hòa giải viên chưa được đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng.

Nhìn chung, cho đến nay ở Việt Nam, do khuôn khổ pháp lý điều chỉnh về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải còn thiếu sót, chưa có định nghĩa, quy định về cơ chế pháp lý rõ ràng nên giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải vẫn chưa thực sự được coi là phương thức giải quyết tranh chấp độc lập, vẫn nặng về hình thức nên nhiều doanh nghiệp chưa mạnh dạn lựa chọn phương thức này để giải quyết tranh chấp thương mại.

2.3. Một số vấn đề pháp lý phát sinh trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

Thứ nhất, về điều khoản hòa giải, đây chính là căn cứ để tiến hành thủ tục hòa giải.

Thứ hai, về vấn đề đảm bảo tính bí mật của quá trình hòa giải.

Thứ ba, về vấn đề hiệu lực thi hành của thỏa thuận hòa giải thành.

Thứ tư, về mối quan hệ giữa hòa giải thương mại với trọng tài và tòa án.

Cuối cùng, về phí hòa giải

Tóm lại, để phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải phổ biến thì pháp luật Việt Nam cần có một khung pháp lý, quy định điều chỉnh trực tiếp và chi tiết về cơ chế giải quyết tranh chấp bằng hòa giải với tư cách là một biện pháp giải quyết tranh chấp thay thế độc lập.

2.4. Nguyên nhân những hạn chế cơ bản của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam chưa nắm bắt và phản ánh kịp thời các yêu cầu của nền kinh tế thị trường trong việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Thứ hai, các thương nhân Việt Nam chưa chuộng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế mà thường chọn Tòa án nhân dân để giải quyết, do bị ảnh hưởng to lớn của Tòa án nhân dân trong suốt thời kỳ kinh tế tập trung kế hoạch hóa, không hiểu biết về hòa giải, chưa hội nhập sâu với thương mại thế giới.

- *Về phía doanh nghiệp*

Nhận thức của doanh nghiệp về tác dụng của hòa giải còn hạn chế

- *Về phía nhà nước*

Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở Việt Nam hiện nay chưa nhận được sự quan tâm thích đáng của Nhà nước cũng như các cơ quan, bộ ngành liên quan.

CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI

3.1. Sự cần thiết xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và khu vực, các quan hệ thương mại cũng mang những diện mạo sắc thái mới và do đó các tranh chấp thương mại cũng ngày càng nhiều và muôn hình muôn vẻ. Do đó, việc giải quyết tranh chấp thương mại một cách nhanh chóng và hiệu quả là một yêu cầu không thể thiếu để đảm bảo một môi trường cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng cho các chủ thể tham gia hoạt động thương mại, trong đó giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải là một phương thức được các thương nhân lựa chọn hàng đầu bởi những ưu điểm của nó.

Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải đã được quy định trong một số văn bản pháp lý của Việt Nam cũng như Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết, nhưng hiện nay khung pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải còn rất hạn chế và thiếu sót. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải là một điều rất cần thiết

Tóm lại, xuất phát từ cơ sở lý luận và thực trạng về giải quyết tranh chấp thương mại đã được phân tích ở chương 1 và chương 2, việc xây dựng cơ chế pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải là yêu cầu bức thiết, đòi hỏi đặt ra trong tình hình mới phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam đồng thời hội nhập với chuẩn mực quốc tế và khu vực nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động giải quyết tranh chấp, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại Việt Nam ổn định và phát triển.

3.2. Định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

Thứ nhất, xây dựng một chế định pháp luật về hòa giải thương mại bao gồm xây dựng khung pháp luật cho mô hình hoạt động hòa giải ở Việt Nam.

Thứ hai, thành lập các trung tâm hòa giải phi chính phủ và tổ chức thực hiện hoạt động hòa giải thương mại.

Hiện nay, trên thế giới có các mô hình tổ chức hòa giải sau:

- Mô hình tổ chức hòa giải độc lập là Trung tâm hòa giải thương mại theo kinh nghiệm của Singapore và Pháp.

- Mô hình tổ chức hòa giải kết hợp với trọng tài: Kinh nghiệm của Vương quốc Anh, Úc, Thái Lan ...

- Mô hình hòa giải gắn kết với tòa án: Theo kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Hàn Quốc và một số nước khác, Trung tâm hòa giải được thành lập riêng biệt, độc lập với tòa án, có chức năng thực hiện công việc hòa giải do tòa án ủy thác hoặc hòa giải đối với các tranh chấp nhỏ, không phức tạp mà không cần qua thủ tục tố tụng tư pháp. Tòa án chỉ tiến hành xét xử trong trường hợp hòa giải không thành.

Qua đó, kết hợp với việc tham khảo các mô hình trên với dựa vào thực tiễn của Việt Nam để thành lập trung tâm hòa giải phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong chế định về hòa giải thương mại, Nhà nước cần tham khảo kinh nghiệm của Singapore trong việc kết hợp phương thức hòa giải với phương thức trọng tài cùng với kết hợp phương thức hòa giải ở Trung tâm hòa giải với phương thức trọng tài ở Trung tâm trọng tài,

đề từ đó có quy định về sự kết hợp giữa hai phương thức trên trong hoạt động giải quyết tranh chấp ở Việt Nam.

3.3. Các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải

3.3.1. Bổ sung chế định về hòa giải thương mại vào hệ thống pháp luật thương mại Việt Nam

Trước hết, với xu hướng mở rộng quan hệ đối ngoại và tích cực hội nhập kinh tế thế giới, Nhà nước cần tham gia vào các điều ước quốc tế có liên quan đến giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải mà cụ thể là các luật của Ủy ban của Liên hợp quốc về thương mại quốc tế như Luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế, Luật mẫu về trọng tài thương mại, Luật mẫu về thương mại điện tử, Công ước Viên 1980 và Bộ nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế 2004.

Sau đó, Nhà nước cần ban hành chế định về hòa giải thương mại dưới hình thức pháp lệnh riêng hoặc dưới hình thức Nghị định. Nội dung chế định về hòa giải thương mại phản ánh được tinh thần yêu cầu hòa giải của Uncitral, các cam kết quốc tế Việt Nam tham gia và cần đề cập đến một số vấn đề cơ bản như: Phạm vi hòa giải thương mại; nguyên tắc hoạt động hòa giải thương mại; các quy định về hòa giải viên, trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải; tổ chức cung cấp dịch vụ hòa giải thương mại; giá trị pháp lý của biên bản hòa giải thành..., cụ thể như sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần tạo dựng một chính sách công khai, chính thức khuyến khích các bên giải quyết tranh chấp thương mại bằng con đường hòa giải.

Đối với nguyên tắc hòa giải thì cần quy định hết sức chặt chẽ về điều khoản bảo mật thông tin.

Thứ hai, về phạm vi hòa giải thương mại: bao gồm hòa giải đối với các tranh chấp thương mại trong nước cũng như các tranh chấp thương mại quốc tế. Tuy nhiên, như đã phân tích tại phần 1.1.1. chương 1 của luận văn, khái niệm “*tranh chấp thương mại*” trong các văn bản pháp luật Việt Nam còn chưa thống nhất. Do đó, việc làm rõ và xây dựng một khái niệm *tranh chấp thương mại* thống nhất hiện nay rất cần thiết để từ đó xác định phạm vi hoạt động hòa giải thương mại.

Thứ ba, đối với trình tự thủ tục hòa giải; đầu tiên, cần chú ý quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp trong hòa giải. Hai là, cần quy định điều khoản về căn cứ tiến hành hòa giải, theo đó sẽ tiến hành hòa giải khi có thỏa thuận được ký kết giữa các bên trước hay sau khi phát sinh tranh chấp (điều khoản lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng hòa giải); hoặc nghĩa vụ phát sinh theo pháp luật hoặc theo yêu cầu hay đề nghị của Tòa án, Hội đồng trọng tài hay của một cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ba là, quy định về thủ tục tiến hành hòa giải như bắt đầu thủ tục hòa giải, cung cấp thông tin; việc sử dụng chứng cứ trong quá trình hòa giải, chấm dứt thủ tục hòa giải.

Thứ tư, cần quy định về tiêu chuẩn làm hòa giải viên và những trường hợp không được làm hòa giải viên; quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên.

Thứ năm, cần tạo cơ sở pháp lý đối với hiệu lực thi hành đối với văn bản hòa giải thành lúc các bên đạt được thỏa thuận sau thủ tục hòa giải. Đối với vấn đề này hiện nay có một số quan điểm như đã phân tích tại phần 2.6 của chương 2 luận văn, cụ thể:

Một số ý kiến cho rằng sau khi các bên hòa giải thành thì nên thông qua các tổ chức trọng tài ở Việt Nam hiện nay để ra quyết định công nhận hòa giải thành và như thế sẽ được hỗ trợ thi hành bởi cơ quan thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Theo Luật mẫu của Uncitral về hòa giải thương mại quốc tế là nếu các bên đạt được thỏa thuận hòa giải thành để giải quyết tranh chấp thì thỏa thuận hòa giải thành đó có hiệu lực bắt buộc đối với các bên và có thể đưa ra thi hành. Trong quá trình nghiên cứu để nội luật hóa, mỗi quốc gia cần chỉ ra phương thức cụ thể để thi hành thỏa thuận hòa giải thành (thủ tục thi

hành bắt buộc) hoặc dẫn chiếu các quy định liên quan đến việc thi hành thỏa thuận đó, ví dụ: thông qua quyết định công nhận của tòa án đối với việc hòa giải thành để thi hành án. Theo kinh nghiệm của Pháp thì thỏa thuận đạt được sau khi hòa giải thành có giá trị như một hợp đồng mới. Trường hợp một bên không thực hiện hoặc có vi phạm thì bên kia có quyền khởi kiện như đối với hợp đồng.

Theo quan điểm của tác giả, thì Nhà nước nên quy định hình thức pháp lý của văn bản hòa giải thành giữa các bên như là một hợp đồng điều đình, vì khi các bên điều đình, dàn xếp thành và đi đến được những giải pháp để tháo gỡ những mâu thuẫn, bất đồng lúc đó được hiểu là “những thỏa thuận mà các bên đã đạt được sau khi dàn xếp”, có tính ràng buộc, có hiệu lực với các bên tranh chấp. Để có sự đảm bảo pháp lý về hiệu lực của nó và đảm bảo sự thực thi nó trên thực tế, thì Nhà nước nên quy định trường hợp các bên không thực hiện những thỏa thuận đã hòa giải thành thì bên vi phạm có quyền khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài, lúc đó Tòa án hay Trọng tài sẽ căn cứ vào hợp đồng điều đình đó để ban hành phán quyết công nhận sự thỏa thuận của các bên.

Thứ sáu, Nhà nước cần đưa ra những nguyên tắc cơ bản cho việc tổ chức mô hình cơ quan hòa giải. Một vài mô hình được đưa ra xem xét, cụ thể như:

- Tổ chức hòa giải thương mại có tư cách độc lập: Trung tâm hòa giải thương mại ở cấp quốc gia hoặc các trung tâm hòa giải thương mại được thành lập ở các địa phương khi có đủ điều kiện nhất định.

- Bộ phận hòa giải được thành lập trực thuộc các Trung tâm trọng tài hiện có ở Việt Nam.

- Ngoài các tổ chức chuyên cung cấp dịch vụ hòa giải thương mại, có thể cho phép một số tổ chức khác (hiệp hội, doanh nghiệp..) cũng được tiến hành hòa giải khi có đủ điều kiện về nhân lực, về căn cứ hòa giải.

Theo quan điểm của tác giả đề phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải phát triển, khách quan như là một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế giống với hình thức trọng tài thương mại thì nhà nước nên xây dựng mô hình trung tâm hòa giải thương mại có vị trí độc lập, đề cao tính chất tự quản, tự chịu trách nhiệm của tổ chức hòa giải, giảm thiểu sự lệ thuộc vào tòa án, theo đó Nhà nước cũng nên quy định Bộ tư pháp sẽ là cơ quan có quyền hạn cấp, thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại ở cấp quốc gia tương tự như đối với Trung tâm Trọng tài thương mại quy định tại Chương 2 Nghị định số 63/2011/NĐ- CP ngày 28/7/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn Luật trọng tài thương mại, còn đối với các Trung tâm hòa giải thương mại thành lập ở địa phương thì do Sở tư pháp cấp, thu hồi giấy phép thành lập.

Thứ bảy, Nhà nước cũng cần chú ý tăng cường tính minh bạch, pháp luật phải đồng bộ chặt chẽ, nhất quán, tránh chồng chéo và mâu thuẫn với các văn bản pháp luật thương mại khác để các chủ thể có thể hiểu và thực hiện một cách thống nhất. Đồng thời, Nhà nước cần đăng tải, công bố một cách đầy đủ nội dung dự thảo chế định về hòa giải thương mại để khuyến khích các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, giới luật sư, các nhà nghiên cứu tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng.

Cuối cùng, Nhà nước cần nghiên cứu, tiếp thu một cách có chọn lọc pháp luật của các nước và thông lệ quốc tế về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải như tham khảo kinh nghiệm của Pháp, Singapore, Luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế của UNCITRAL.

3.3.2. Xúc tiến thành lập các trung tâm hòa giải độc lập và đi vào thực hiện

Sau khi khung pháp luật cho hòa giải thương mại được ban hành và có hiệu lực, cần phải nhanh chóng tổ chức, thành lập các trung tâm hòa giải. Nhà nước có thể tham khảo kinh nghiệm

các quốc gia trong việc tổ chức cơ quan hòa giải, ví dụ như kết hợp đặt tại Hội luật sư các tỉnh, thành phố, các trung tâm trọng tài như ở Vương quốc Anh, Úc, Thái Lan hoặc trở thành các trung tâm độc lập như Trung tâm hòa giải thương mại Singapore.

Ngoài ra, Nhà nước cần xây dựng hai mô hình là: hòa giải quy chế và hòa giải vụ việc tương tự như trọng tài. Trong đó, hòa giải quy chế là do các Trung tâm hòa giải tổ chức thực hiện. Hòa giải vụ việc do các bên tranh chấp tự thỏa thuận để xây dựng trình tự thủ tục hòa giải hoặc thống nhất thỏa thuận lựa chọn Quy tắc hòa giải của bất kỳ trung tâm hòa giải nào.

Bên cạnh đó, nhà nước cần quy định về tổ chức và hoạt động của các Trung tâm hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, trung tâm hòa giải thương mại nước ngoài có thể hoạt động dưới hình thức Chi nhánh hoặc văn phòng tại Việt Nam. Hơn nữa trong quá trình hoạt động phải tuân thủ và tôn trọng Hiệp pháp và pháp luật của Việt Nam. Như vậy, với việc quy định trên hoàn toàn phù hợp với cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO.

3.3.3. Các giải pháp hỗ trợ

Một là, đào tạo nguồn nhân lực làm hòa giải viên, bao gồm luật sư, trọng tài viên, thẩm phán, công tố viên về hưu, đặc biệt là cần tận dụng các chuyên gia giỏi chuyên môn trong lĩnh vực kinh doanh thương mại như thiết kế, tư vấn xây dựng, giám định... để tăng chất lượng tư vấn.

Hai là, tuyên truyền các ưu điểm của phương thức hòa giải thương mại cho các thương nhân và cho các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam để phương thức này trở nên phổ biến trong thực tiễn và đi vào cuộc sống

Ba là, Nhà nước cần tăng cường hiệu quả hoạt động tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp.

Bốn là, Nhà nước cần có chính sách phát huy vai trò và phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam trong việc thúc đẩy hoạt động hòa giải thương mại phát triển.

Cuối cùng, Nhà nước cần tổng kết đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải và đăng tải trên trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước quản lý hoạt động kinh doanh và trên các báo, tạp chí chuyên ngành, học hỏi được những kinh nghiệm quý báu trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải.

Tóm lại, trên cơ sở nhận thức về lợi ích của các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải, thông qua giải pháp về pháp luật cũng như các giải pháp khác, Nhà nước sẽ khuyến khích được các bên sử dụng phương thức hòa giải để giải quyết tranh chấp thương mại ngày càng phổ biến.

KẾT LUẬN

Việc Việt Nam trở thành thành viên của WTO đã đánh dấu quá trình tham gia ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam vào hệ thống kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn bối cảnh kinh tế khu vực và kinh tế thế giới đang ở giai đoạn khủng hoảng, có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường thì tranh chấp thương mại là điều tất yếu và không thể tránh khỏi giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện nay thì đối với việc giải quyết tranh chấp thương mại có những phương thức sau: thương lượng, hòa giải, trọng tài và Tòa án. Thực tiễn trong hoạt động thương mại, việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phụ thuộc vào từng quan hệ thương mại khác nhau, xuất phát từ những mục đích khác nhau của các bên và phụ thuộc vào ưu điểm, nhược điểm của mỗi phương thức. Trong đó, giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải vẫn được rất nhiều các doanh nhân, doanh nghiệp ưa chuộng; đặc biệt là trong các quan hệ giao dịch với quốc tế bởi những ưu điểm của nó như đơn giản không bị ràng buộc bởi các thủ tục pháp lý phiền phức, ít tốn kém và không làm phương hại đến quan hệ hợp tác vốn có giữa các bên kinh doanh cũng như giữ được các bí mật kinh doanh.

Luận văn đã phân tích về tranh chấp thương mại từ đó đi sâu tìm hiểu các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại mà cụ thể là giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải. Thông qua việc nêu thực trạng pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải ở nước ta hiện nay và nhận xét nguyên nhân của những bất cập đó để đưa ra những định hướng, giải pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải của nước ta, ghi nhận về mặt pháp lý vai trò, vị trí của hòa giải thương mại và thể chế hóa bằng các quy định pháp luật. Việc xây dựng và hoàn thiện khung Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải là một yêu cầu cần thiết trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay của nước ta. Và để xây dựng và hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải thực sự có hiệu quả phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề và Nhà nước, từ đó góp phần đa dạng hóa việc lựa chọn các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại theo hướng linh hoạt, giảm tải công việc xét xử của tòa án, đồng thời tạo môi trường đầu tư, kinh doanh hấp dẫn đối với các nhà đầu tư kinh doanh trong nước cũng như nước ngoài vào làm ăn tại Việt Nam, góp vốn phát triển kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.